

Số: 213/2026/QĐST-HNGĐ

KH, ngày 29 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị D - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn B, xã DL, tỉnh KH.

- *Bị đơn*: Ông Trần Minh Q - sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã DL, tỉnh KH.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 21 tháng 9 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 21 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị D và ông Trần Minh Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Phạm Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Phúc T - sinh ngày 23/02/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Minh Q. Đối với con chung Trần Trung T – sinh ngày 15/8/2008 đã đủ tuổi trưởng thành và khỏe mạnh, bà D, ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Q được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Q, bà D có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D, ông Q xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị D, ông Trần Minh Q, mỗi người nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà D tự nguyện nộp thay tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Q nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001448 ngày 15/9/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh KH. Bà D, ông Q đã nộp đủ án phí. Hoàn lại cho bà D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Quy định:* Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- THADS tỉnh KH;
- VKSND khu vực 3 – KH;
- UBND xã DL (trước là UBND xã DH) - GCNKH số 02 ngày 18/01/2008;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thái Bảo Ngân**